|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS PHONG HẢI  **TỔ: VĂN-SỬ-ĐỊA-GDĐP** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Phong Hải, ngày 18 tháng 9 năm 2024*

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024-2025**

*- Thực hiện theo Công văn số 2633/SGDĐT ngày 05/09/2024 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm 2024-2025.*

*- Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024- 2025 của Phòng GD & ĐT Phong Điền;*

*- Căn cứ vào phương hướng nhiệm vụ năm học của trường THCS Phong Hải.*

*Tổ Văn- Sử-Địa-GDĐP xây dựng kế hoạch chuyên môn năm học 2024- 2025 như sau:*

**A. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC 2023-2024**

**1. Chất lượng bộ môn**

a. Môn Ngữ văn khối 6,7,8.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **Ngữ văn** | **Tổng số HS** | **TỐT** | | **KHÁ** | | **ĐẠT** | | **CĐ** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 6 | **79** | 19 | 24,1% | 34 | 43% | 25 | 31,6% | 01 | 1,3% |
| Khối 7 | **80** | 18 | 22,5% | 37 | 46,3% | 25 | 31,2% | 0 | 0 |
| Khối 8 | **59** | 11 | 18,6% | 29 | 49,2% | 19 | 32,2% | 0 | 0 |
| **Tổng** | **218** | **48** | **22%** | **100** | **46%** | **69** | **31,6%** | **01** | **0,4** |

Môn Ngữ văn khối 9

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **Ngữ văn** | **Tổng số HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **TBình** | | **Yếu** | | **Kém** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 9 | **51** | 23 | 45,1% | 16 | 31,4% | 12 | 23,5% | 0 | 0 | 0 | 0 |

b. Môn Lịch sử & Địa li khối 6,7,8

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **Lịch sử, Địa lí** | **Tổng số HS** | **TỐT** | | **KHÁ** | | **ĐẠT** | | **CĐ** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 6 | **79** | 48 | 60,8% | 30 | 37,9% | o1 | 1,3% | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** | 34 | 42,5% | 42 | 52,5% | 04 | 5,0% | 0 | 0 |
| Khối 8 | **59** | 24 | 40,7% | 28 | 47,5% | 07 | 11,8% | 0 | 0 |

**Lịch sử khối 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **Lịch sử** | **Tổng số HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **TBình** | | **Yếu** | | **Kém** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 9 | **51** | 40 | 78,4% | 11 | 21,6% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

c. Môn Địa lý 9

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **Địa lí** | **Tổng số HS** | **Giỏi** | | **Khá** | | **TBình** | | **Yếu** | | **Kém** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Khối 9 | **51** | 20 | 39,2% | 24 | 47,1% | 07 | 13,7% | 0 | 0 | 0 | 0 |

d. Môn GDĐP

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **GDĐP** | **Tổng số HS** | **ĐẠT ( Đ)** | | **CĐ ( Chưa đạt)** | |
| SL | % | SL | % |
| Khối 6 | **79** | 79 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 7 | **80** | 80 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 8 | **59** | 59 | 100% | 0 | 0 |

đ. Môn HĐTN-HN

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bộ môn**  **HĐTN-HN** | **Tổng số HS** | **ĐẠT ( Đ)** | | **CĐ ( Chưa đạt)** | |
| SL | % | SL | % |
| Khối 6 | **79** | 79 | 100% | 0 |  |
| Khối 7 | **80** | 80 | 100% | 0 |  |
| Khối 8 | **59** | 59 | 100% | 0 |  |

**2. Chất lượng toàn diện khối 6,7,8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chất lượng** | **Khối lớp** | **Tổng số HS** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **CĐ** | |
| **Học lực** | 6/1 | **26** | 04 | 15,5% | 10 | 38,5% | 12 | 46,2% | 0 | 0 |
| 7/1 | **26** | 05 | 19,2% | 15 | 57,7% | 06 | 23,1% | 0 | 0 |
| 7/2 | **29** | 14 | 48,3% | 09 | 31% | 06 | 20,7% | 0 | 0 |
| 8/2 | **28** | 05 | 17,9% | 17 | 60,7% | 06 | 21,4% | 0 | 0 |
| **Hạnh kiểm** | 6/1 | **26** | **22** | **84,6%** | **04** | **15,4%** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7/1 | 26 | **21** | **80,8%** | **05** | **19,2%** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 7/2 | 29 | **25** | **86,2%** | **04** | **13,8%** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 8/2 | 28 | **24** | **85,7%** | **03** | **10,7%** | **01** | **3,6%** | **0** | **0** |

**Khối 9**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chất lượng** | **Khối lớp** | **Tổng số HS** | **Giỏi (Tôt)** | | **Khá** | | **TBình** | | **Yếu** | | **Kém** | |
| SL | % | SL | % | SL | % | SL | % | SL | % |
| Học lực | **9/1** | **27** | 14 | 51,9% | 06 | 22,2% | 07 | 25,9% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **9/2** | **24** | 07 | 29,2% | 15 | 62,5% | 02 | 8,3% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Hạnh kiểm | **9/1** | **27** | 24 | 88,9% | 03 | 11,1% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **9/2** | **24** | 21 | 87,5% | 03 | 12,5% | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**3. Tập thể**

- Tổ chuyên môn: Xuất sắc.

- Tổ công đoàn: Xuất sắc.

- Lớp mạnh toàn diện: 6/1; 7/2.

- Lớp tiên tiến xuất sắc: 9/1; 9/2;7/1; 8/2.

**4. Cá nhân:**

***a. Đối với giáo viên:***

**+** CSTĐCS:01

**+** Lao động tiên tiến: 05 GV

**+** HTNV: 1

+ Xếp lại CCVC: hoàn thành xuất sắc 01; hoàn thành tốt nhiệm vụ: 05; hoàn thành nhiệm vụ là 01.

**b. Đối với học sinh:**

+ Giỏi cấp huyện đạt: 2 giải môn Ngữ văn 7 và môn lịch sử 8

**\* Chất lượng giờ dạy được nâng cao**

**-** Đa số các tiết dạy giáo viên đều sử dụng CNTT ấp dụng theo chương trình đổi mới có hiệu quả

- Tổng số tiết dự giờ - thao giảng của tổ: 14 tiết (trong đó: Giỏi :14/14 tiết đạt 100%);  
- Báo cáo chuyên đề : 02 chuyên đề đều xếp loại giỏi (đạt 100%).

**B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC TỔ CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024 – 2025**

- Thực hiện theo Công văn số 2633 / V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 của PGD&ĐT Phong Điền và thực hiện tốt Chủ đề năm học 2024-2025: ***“Đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng, đoàn kết kỷ cương” .*** Tổ xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn năm học 2024 – 2025 như sau:

**I. Đặc điểm tình hình:**

Tổng số giáo viên trong tổ: 06 (Nam: 03, Nữ: 03). Đại học: 06.

1. **Thuận lợi:**

**-** Đa số giáo viên trong tổ đã áp dụng chương trình giáo dục phổ thông 2018 trong giảng dạy có hiệu quả, sử dụng CNTT bài dạy sinh động. Học sinh hoạt động tích cực hướng thú tiết dạy có nhiều thuận lợi hơn so với chương trình cũ.

- Đội ngũ giáo viên trong tổ nhiệt tình, năng động và có tinh thần học hỏi cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy lâu năm, luôn trau dồi kiến thức, cập nhật thông tin để cải tiến soạn giảng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần đoàn kết rất cao.

- Tinh thần tự học cao, luôn trao đổi kiến thức và cập nhật thông tin để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tiếp cận nhanh việc ứng dụng CNTT trong dạy học.

- GV của tổ nhiệt tình trong công tác và có kỉ luật lao động tốt.

- GV bồi dưỡng HSG huyện có hiệu quả trong nhiều năm liền.

- Học sinh ngày càng tiến bộ hơn trong học tập cũng như trong ý thức.

- Sự quan tâm của BGH giúp đỡ tổ hoàn thành nhiệm vụ năm học.

**2. Khó khăn:**

- Qua 3 năm giảng dạy chương trình giáo dục phổ thông 2018 và qua phân tích trực trạng học sinh của trường mình tổ Văn-Sử-Địa-GDĐP còn gặp phải một số khó khăn:

+ Tìm nguồn HSG để bồi dưỡng rất khó, đa số các em thích đi các môn tự nhiên hơn các môn xã hội.

+Ý thức tự giác chưa cao trong việc hoạt động nhóm các em còn ỉ lại rụt rè chưa mạnh dạn tự tin khi đứng trước tập thể.

+ Tinh thần phấn đấu chưa cao nên làm ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận bài học

- Một số tài liệu tham khảo, phục vụ giảng dạy như sách tham khảo khối 6, 7,8,9 theo chương trình đổi mới còn thiếu, thiết bị dạy học còn hạn chế.

**II. Các chỉ tiêu chủ yếu:**

**1. Công tác chuyên môn**

- Tham gia hoạt động theo chủ điểm 100%.

- Tham gia học bồi dưỡng thường xuyên 100%.

- Dự giờ trong học kì/năm:

+ Tổ trưởng: từ 06 -14 tiết/học kì/năm.

+ Tổ phó: từ 6 - 10 tiết/học kì/năm..

+ Tổ viên: từ 6 tiết trở lên/học kì/năm..

- Thao giảng: 01 tiết/GV/học kì/năm (có ứng dụng CNTT)

- Dự thi giáo viên giỏi trường: 03gv

- Kiểm tra chuyên đề : 02gv ( thầy Hùng, cô Hường báo cáo vào tháng 03)

- Kiểm tra toàn diện: 02 gv (thầy Tiến tháng 11, thầy Thảnh tháng 03)

- Tham gia hội giảng cấp trường: 1 gv Cô Hồ Thị Hà (tháng 10)

- Tổ chức báo cáo chuyên đề, cấp trường, cấp tổ. Chỉ tiêu 100% xếp loại tốt 100%.

- Chuyên đề:

+ Tham gia báo cáo chuyên đề cấp trường. Thầy Hồ Thảnh báo cáo (tháng 11)

*Chuyên đề: Một số giải pháp giúp học sinh khai thác kênh hình có hiệu quả để nâng cao chất lượng dạy học môn Lịch sử ở trường THCS Phong Hải.*

*+* Báo cáo chuyên đề cấp tổ: cô Mai Thị Hường môn Ngữ văn và Thầy Nguyễn Mạnh Hùng môn Lịch sử

*Chuyên đề: Áp dụng trò chơi trong giảng dạy bộ môn KHXH(Phân môn Ngữ văn 8) góp phần phát huy năng lực và phẩm chất cho học sinh trong việc thực hiện chương trình GDPT 2018 ( cô Hường báo cáo tháng 11)*

*Chuyên đề:* *Một số giải pháp tăng cường sử dụng đồ dùng trực quan đạt hiệu quả cao trong dạy học phân môn lịch sử 6,7 ở trường THCS Phong Hải . ( thầy Hùng báo cáo tháng 12)*

- SKKN: 04 SKKN

*+ Đề tài: Áp dụng trò chơi trong giảng dạy bộ môn KHXH(Phân môn Lịch sử 7) góp phần phát huy năng lực và phẩm chất cho học sinh trong việc thực hiện chương trình GDPT 2018( Thầy Mạnh Hùng báo cáo tháng 03)*

*+ Đề tài: Một số giải pháp nâng cao hiệu quả tiết hoạt động trãi nghiệm-hướng nghiệp cho học sinh lớp 7.( cô Mai Hường báo cáo tháng 03)*

*+ Đề tài: Kĩ năng giúp học sinh lớp 7 thực hiện tốt tiết nói và nghe ( cô Thủy báo cáo vào tháng 03)*

*+ Đề tài: Một số giải pháp nâng cao chất lượng dạy- học phân môn Địa lí lớp 8(thầy Tiến báo cáo vào tháng 03)*

- CSTĐ: 02 gv

- Lao động tiến tiến:04 giáo viên (có danh sách đăng kí kèm theo).

* Chỉ tiêu HS giỏi cấp huyện: đạt từ 1->2 em/1 môn.
* Chỉ tiêu hai mặt chất lượng:
* +HL: đạt 30%
* +HK: Khá, tốt đạt 90% trở lên.

- Tất cả giáo viên đều đổi mới PP trong soạn giảng theo chuẩn kiến thức kỷ năng, lồng ghép giáo dục môi trường và kỷ năng sống cho HS, phát huy tính tích cực học tập của học sinh theo tài liệu chuẩn KT-KN- Lên LBG, thực hiện đúng, kịp thời.  
- Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy có hiệu quả cao theo chương trình mới.

**2. Chất lượng bộ môn đăng kí**

*a/ Môn Ngữ văn khối 6,7,8,9*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp/Khối** | **Tổng số** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| 6/1 | 33 | 10 | 30,3% | 10 | 30,3% | 13 | 30,4% | 0 | 0 |
| 6/2 | 33 | 9 | 27,3% | 10 | 30,3% | 13 | 39,4% | 1 | 3% |
| **K 6** | **66** | **19** | **28,8%** | **20** | **30,3%** | **26** | **39,4%** | **01** | **1,5%** |
| 7/1 | 25 | 7 | 28% | 8 | 32% | 9 | 36% | 01 | 4% |
| 7/2 | 27 | 8 | 30% | 7 | 26% | 12 | 44,4% | 0 | 0 |
| 7/3 | 27 | 8 | 30% | 9 | 34% | 10 | 30,6% | 0 | 0 |
| **K7** | **79** | **23** | **29,1%** | **24** | **30,4%** | **31** | **39,2%** | **01** | **1,3%** |
| 8/1 | 25 | 8 | 32% | 7 | 28% | 10 | 40% | 0 | 0 |
| 8/2 | 27 | 10 | 37% | 11 | 40,7% | 6 | 22,2% | 0 | 0 |
| 8/3 | 25 | 5 | 20% | 10 | 40% | 10 | 40% | 0 | 0 |
| **K8** | **77** | **23** | **29,8%** | **28** | **36,4%** | **26** | **33,8%** | 0 | 0 |
| 9/1 | 31 | 9 | 29,0% | 6 | 19,4% | 16 | 51,6% | 0 | 0 |
| 9/2 | 30 | 9 | 30% | 7 | 23,3% | 14 | 46,7% | 0 | 0 |
| **K9** | **61** | **18** | **29,5%** | **16** | **26,2%** | **27** | **44,3%** | **0** | **0** |

***\*Phân môn lịch sử 6,7,8,9***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối/ lớp** | **Tổng số** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **K 6** | **66** | 15 | 22,7% | 19 | 28,8% | 32 | 48,5% | 0 | 0 |
| **K7** | 79 | 26 | 32,9 | 40 | 50,6 | 13 | 16,5 | 0 | 0 |
| **K8** | **77** | 22 | 28,6% | 27 | 35% | 28 | 36,4% | 0 | 0 |
| **K9** | 61 | 22 | 36,1 | 31 | 50,8 | 8 | 13,1 | 0 | 0 |

***\*Phân môn Địa lí 6,7,8,9***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khối/lớp | Tổng số | GIỎI | | KHÁ | | ĐẠT | | CĐ | |
| SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) | SL | TL (%) |
| Khối 6 | **66** | 19 | 28,8 | 22 | 33.3 | 25 | 37,9 | 0 | 0.0 |
| Khối 7 | **79** | 23 | 29,1 | 25 | 31.6 | 31 | 39,2 | 0 | 0.0 |
| Khối 8 | **77** | 24 | 31,2 | 25 | 32.5 | 28 | 36,4 | 0 | 0.0 |
| Khối 9 | **61** | 20 | 32,8 | 20 | 32.8 | 21 | 34,4 | 0 | 0.0 |
| **TỔNG** | **283** | **86** | **30,4** | **92** | **32.5** | **105** | **37,1** | **0** | **0.0** |

*Môn GDĐP 6,7*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Tổng số HS** | **Đạt** | | **C Đ** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Khôi 6 | 66 | 66 | 100% | 0 | 0 |
| Khối7 | 79 | 79 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 8 | 77 | 77 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 9 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

***Môn HĐTN 6,7***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối lớp** | **Tổng số HS** | **Đạt** | | **Kh. Đạt** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| Khôi 6 (6/1) | 33 | 33 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 7 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Khối 8(8/2) | 27 | 27 | 100% | 0 | 0 |
| Khối 9 | 61 | 61 | 100% | 0 | 0 |

***\* Chỉ tiêu đối với GVCN***

***- Về học lực***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp/Khối** | **Tổng Số** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **6/1** | **33** | 10 | 30,3% | 10 | 30,3% | 12 | 39,1% | 01 | 0,3% |
| **8/2** | **27** | 10 | 37% | 12 | 48% | 5 | 20% | 0 | 0 |
| **9/1** | **31** | 05 | 16,2 | 23 | 74,2 | 3 | 9,6 | 0 | 0 |
| **9/2** | **30** | 09 | 30,0% | 10 | 33.3 | 11 | 36,7% | 0 | 0 |
| **Tổng** | **121** | **34** | **28,1%** | **55** | **45,5%** | **31** | **25,6** | **01** | **0,8** |

* ***Về hạnh kiểm:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Lớp/Khối** | **Tổng Số** | **Tốt** | | **Khá** | | **Đạt** | | **Chưa đạt** | |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **6/1** | **33** | 30 | 90,9% | 03 | 9,1% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **8/2** | 27 | 20 | 80% | 07 | 20% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **9/1** | 31 | 25 | 80,6% | 06 | 19,4% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **9/2** | 30 | 27 | 90% | 03 | 10% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Tổng** | **121** | **102** | **84,3%** | **19** | **15,7%** | **0** | **0** | **0** | **0** |

**3. Các hoạt động khác**

- Lớp chủ nhiệm:

+ Chi đội xuất sắc: 01 .

+ Tập thể tiến tiến xuất sắc : 01.

+ Chi đội mạnh toàn diện : 02.

- Tỉ lệ học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS là 100%.

- Các hoạt động khác: tham gia 100%.

- Phân công trách nhiệm về bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu, kém:

+ Môn ngữ văn 9: cô Hồ Thị Hà

+ Môn ngữ văn 8: cô Mai Thị Hường

+ Môn ngữ văn 7: cô Hồ Thị Hà

+ Môn ngữ văn 6 cô Lê Thị Hồng Thủy

+ Môn lịch sử 8: Thầy Nguyễn Mạnh Hùng

+ Môn lịch sử 9: thầy Hồ Thảnh

+ Môn địa lý 8, 9: thầy Lê Văn Tiến.

Giáo viên bộ môn lập danh sách học sinh giỏi; học sinh yếu, kém và bồi dưỡng, phụ đạo theo lịch. Lên kế hoạch, nội dung bồi dưỡng, thời gian ôn tập. Tổ duyệt và triển khai.

- Tham gia HMTN : ..

**III. Các nhiệm vụ và giải pháp.**

**1. Nhiệm vụ 1: Xây dựng kế hoạch tổ; kế hoạch giáo dục cá nhân; kế hoạch giáo dục môn học bảo đảm sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học:**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục tổ; kế hoạch giáo dục cá nhân năm học 2024-2025 cụ thể, chi tiết theo hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2024- 2025 của Phòng GD & ĐT Phong Điền; phương hướng nhiệm vụ năm học của trường THCS Phong Hải.

+ Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối 6; 7;8;9 thực hiện theo Công văn số 2633/SGDĐT-GDPT ngày 05/09/2024 của Sở GDĐT về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025

**2. Nhiệm vụ 2. Thực hiện hiệu quả việc đổi mới các phương pháp và hình thức dạy học**

- Xây dựng kế hoạch bài dạy theo CV 5636 bảo đảm các yêu cầu về phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học và học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; việc xây dựng kế hoạch bài dạy bảo đảm đủ thời gian để học sinh thực hiện nhiệm vụ học tập đã đặt ra, tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy. Tiến trình dạy học mỗi bài học được xây dựng thành các hoạt động học với mục tiêu, nội dung, sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành, cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh.

**3. Nhiệm vụ 3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá:**

- Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định, xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông; không kiểm tra, đánh giá đối với các nội dung tinh giản theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

- Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá, đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì. Yêu cầu các nhà trường xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra. Việc đổi mới phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá các môn học phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Chuẩn bị tốt các điều kiện để sẵn sàng thực hiện kiểm tra, đánh giá theo hình thức trực tuyến theo quy định, bảo đảm chất lượng, chính xác, hiệu quả, công bằng, khách quan, trung thực; đánh giá đúng năng lực của học sinh. Thực hiện nghiêm túc việc ra đề kiểm tra theo ma trận, bảng đặc tả chung để có kết quả khách quan, bình đẳng. Tăng cường vừa dạy học vừa ôn tập và chuẩn bị các điều kiện cho học sinh lớp 9 tham gia kỳ thi tuyển sinh đầu cấp vào lớp 10 năm học 2024-2025 đạt kết quả tốt.

- Đổi mới công tác dự giờ, đánh giá tiết dạy theo phụ lục V công văn 5512.

**4. Nhiệm vụ 4. Tham gia tổ chức các kì thi, cuộc thi**

- Chuẩn bị tốt cho việc tổ chức các kì thi, cuộc thi cấp trường đồng thời tổ chức lựa chọn học sinh tham gia các kì thi, cuộc thi cấp huyện, tỉnh. Trong năm học 2024-2025, Phòng và nhà trường dự kiến sẽ tổ chức các Hội thi sau:

+ Thi học sinh giỏi lớp 9: Thi 6 môn: Ngữ văn, Lịch sử & Địa lý, Tiếng Anh, Toán, KHTN, Tin học. (tháng 12/2024) Lớp 8 thi 6 môn như lớp 9 (Tháng 4/2025)

+ Thi học sinh giỏi lớp 6,7 ; 3 môn: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh; (tháng 4/2024)

+ Hướng dẫn học sinh tham gia hội thi khoa học kỹ thuật 1 đề tài (cấp trường, cấp phòng); Thầy Thảnh, cô Mai Thị Hường

+ Hướng dẫn học sinh tham gia hội thi sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng 1 đề tài (cấp trường, cấp phòng);

+ Thi giáo viên dạy giỏi cấp trường:

Cô Mai Thị Hường ( Ngữ văn)

Thầy Nguyễn Mạnh Hùng ( Lịch sử)

Thầy Lê Văn Tiến ( Địa lí)

**IV. Lịch phân công và lịch trình công tác trong năm học:**

**1. Phân công giảng dạy, kiêm nhiệm, phụ trách**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Kiêm nhiệm** | **Giảng dạy lớp** | **Bồi dưỡng** | **Phụ trách đề kiểm tra** |
| 1 | Hồ Thị Hà | Tổ trưởng, quản lí chung, phụ trách chuyên môn nhóm Ngữ văn, kiểm tra hồ sơ tổ | Ngữ văn 7/2  9/1;9/2  GDĐP 7/2 | Bồi dưỡng Ngữ văn 9,7 |  |
| 2 | Lê Văn Tiến | Tổ phó, quản lí bài KT, phụ trách chuyên môn nhóm Sử&Địa GDĐP-HĐTN  GVCN 9/2 | Địa 6,7,8,9  GDĐP8 | Bồi dưỡng Địa 8,9 | Phụ trách đề kt |
| 3 | Hồ Thảnh | Thành viên phụ trách GDĐP-HĐTN  GVCN 9/1 | Sử 7, 9 | Bồi dưỡng Sử 9 |  |
| 4 | Mai Thị Hường | Thành viên  Thư kí- Thủ quỹ tổ | Ngữ văn 8/1.2  HĐTN8-GDĐP8 | Bồi dưỡng văn 8 |  |
| 5 | Nguyễn Mạnh Hùng | Thành viên | Sử 6,8  HĐTN 6/1  GDĐP 6/1,2 | Bồi dưỡng  Sử 8 |  |
| 6 | Lê Thị Hồng Thủy | Thành viên | Ngữ văn 6; 7/1,3  GDĐP7/1,3 | Bồi dưỡng văn 6 |  |

**2. Lịch công tác trong năm học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Nội dung công việc** | **Người thực hiện** | **Người phối hợp** |
| **Tháng**  **9/2024** | - Tham gia dự triển khai nhiệm vụ năm học tại phòng.  - Xây dựng kế hoạch dạy học: Khối 6;7;8,9 theo công văn 5512; 5636  - Lập danh sách học sinh tham gia bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9  - Hội nghị chuyên môn tổ.  - Lao động chủ nhật xanh theo kế hoạch.  -Tham gia Đại hội cha mẹ hs theo lớp  ( 4 GVCN)  - Đại hội chi đội theo lớp ( 4 GVCN)  -Bồi dưỡng HSG K9 | TT  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ.  Cả tổ  Cá nhân | Cả tổ |
| **Tháng 10/2024** | - Dự chào cờ đầu tuần  - Dự họp giao ban  - Tham gia hội nghị CBCC  - Dạy học theo TKB  - Bồi dưỡng Ngữ văn, Lịch sử và Địa li  -Thao giảng dự giờ.  - Tham gia hội giảng cấp trường  - Tham gia sinh hoạt chuyên môn.  - Chào mừng ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.  - Tham gia hội giảng cấp trường ( Cô Hà)  - Bồi dưỡng HSG K9 | Cả tổ  Cá nhân  Cả tổ  Cả tổ  Cá nhân  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ |  |
| **Tháng 11/2024** | - Dự họp giao ban đầu tuần  - Dạy học theo TKB  - Thao giảng, dự giờ  - Sinh hoạt chuyên môn tổ  - Kiểm tra toàn diện thầy Tiến  - Tham gia sinh hoạt chuyên môn.  - Báo cáo chuyên đề cấp trường (Thầy Thảnh).  - Báo cáo chuyên đề cấp tổ một đề tài ( cô Hường)  - Tăng cường bồi dưỡng Khối 9  - Tham dự tọa đàm ngày nhà giáo Việt Nam  - Tham gia dự thi giỏi trường ( Thầy Hùng, cô Hường, thầy Tiến) | Cá nhân  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cá nhân  Cả tổ  -Cá nhân-Tổ | BGH |
| **Tháng 12/2024** | - Dự họp giao ban đầu tuần  - Dự chào cờ đầu tuần  - Dạy học bình thường  - Thao giảng dự giờ  - Báo cáo chuyên đề cấp tổ ( Thầy Hùng)  - Sinh hoạt chuyên môn tổ  - Ôn tập và chuẩn bị kiểm tra học kỳ I.  - Kiểm tra học kì I  -Thi học sinh giỏi khối 9 cấp huyện | TTCM  Cả tổ  -Cá nhân  Cả tổ  Cả tổ | Cả tổ |
| **Tháng 01/2025** | - Dạy học bình thường  -Dự chào cờ đầu tuần  -Dự họp giao ban  - Bồi dưỡng Ngữ văn 6,7,8  -Bồi dưỡng Lịch sử & Địa lí 8  - Sinh hoạt tổ chuyên môn  - Nghỉ tết nguyên đán | Cả tổ  Cá nhân  TTCM  Cá nhân  Cá nhân  Cả tổ  Cả tổ |  |
| **Tháng 02/2025** | - Dự chào cờ đầu tuần  - Dạy học bình thường  - Thao giảng dự giờ  - Sinh hoạt chuyên môn tổ  -Họp HĐSP | Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ |  |
| **Tháng 3/2025** | - Dạy học bình thường  - Họp chi bộ  - Thao giảng dự giờ chào mừng 08/03; 26/03  - Báo cáo SKKN ( thầy Hùng, cô Hường, cô Thủy, thầy Tiến )  - Sinh hoạt chuyên môn tổ  - Họp HĐSP | Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ  Cả tổ | BGH |
| **Tháng 4/2025** | - Dạy học bình thường  - Dự họp giao ban  - Tham gia thi học sinh giỏi cấp huyện các môn Ngữ văn- Lịch sử & Địa lí  - Sinh hoạt chuyên môn tổ  - Ôn tập học kì II  - **Lưu ý**: ra đề thi cuối kì ( 90% HK2+10% HK1) | Cả tổ | Cả tổ |
| **Tháng 5/2025** | - Dạy học bình thường  - Thi học kì II  - Tham gia xét tốt nghiệp hs lớp 9 | Cả tổ  Cả tổ  Cá nhân | BGH |

**V. Đăng ký danh hiệu thi đua, khen thưởng.**

**1. Tập thể.**

a. Danh hiệu thi đua: Tổ: Tiên tiến xuất sắc.

Tổ công đoàn: xuất sắc

b. Tập thể lớp:

6/1: Chi đội xuất sắc

8/2: Chi đội mạnh toàn diện

9/1: Tiên tiến xuất sắc

9/2: Chi đội mạnh toàn diện

**2. Cá nhân**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | **Họ và tên** | **Xếp loại công chức, viên chức** | **Đăng ký thi đua** |
| 1 | Nguyễn Mạnh Hùng | HTTNV | CSTĐCS |
| 2 | Mai Thi Hường | HTTNV | CSTĐCS |
| 3 | Hồ Thị Hà | HTTNV | LĐTT |
| 4 | Hồ Thảnh | HTTNV | LĐTT |
| 5 | Lê Văn Tiến | HTTNV | LĐTT |
| 6 | Lê Thị Hồng Thủy | HTTNV | LĐTT |

**VI. Kiến nghị đề xuất:**

**-** Nhà trường nên chuyển hình thức sinh hoạt theo hướng đổi mới Hội thi giáo viên giỏi cấp trường chuyển sang hội giảng cấp trường và báo cáo chuyên đề cấp trường để giáo viên có cơ hội trao đổi chuyên môn rộng hơn.

- Ban giám hiệu thường xuyên dự giờ – thao giảng cùng với tổ, để nắm kế hoạch dạy học đánh giá lại quá trình thực hiện giáo dục phổ thông 2018

**-** Nhà trường nên đầu tư thêm tài liệu tham khảo, máy tính bàn trong lớp học để giáo viên thuận tiện hơn trong việc đưa bài lên trình chuyếu.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Phong Hải, ngày 18 tháng 9 năm 2024* |
| **Tổ trưởng**  **HỒ THỊ HÀ** |  |

|  |
| --- |
| **Phê duyệt của Hiệu trưởng** |
| **HOÀNG VĂN ỨNG** |